Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 63 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng và Biên bản đánh giá ngày 11 tháng 5 năm 2020,

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng

Mã số thuế: 1400458420

Địa chỉ : Số 60, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 128 đường Phù Đổng, tổ 23 khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bản Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 292**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 489/GCN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

Nơi nhận:
- Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng;
- SXD tỉnh Đồng Tháp;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, KHCN&MT.

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 292

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Số: 63 /GCN-BXD, ngày 21 tháng 5 năm 2020)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý Tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lương thể tích của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xi măng – Phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xi măng - PP xác định thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:04
5	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:08
6	Hàm lượng SiO_2 và căn không tan	TCVN 141:08
7	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
8	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382:12; TCVN 10306:14 Số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998
9	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:93
10	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
11	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
12	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
13	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
14	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
15	Xác đinh khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
16	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:93
17	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:93
18	Xác định cường độ kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:93
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CỦA BÊ TÔNG VÀ VỮA	
19	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
20	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
21	Xác đinh khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
22	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
23	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
24	Xác đinh độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
25	Xác định hàm lượng bùn, bui, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
26	Xác đinh tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
27	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7272-10:2006
28	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liêu lớn	TCVN 7572-11:2006
29	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liêu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 2006
30	Xác định hàm lượng hạt thoi det trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
31	Xác định hàm lượng hạt yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
33	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
34	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
35	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
36	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
37	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014
38	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
39	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
40	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
41	Xác định sức chịu tải của đất (CBR) – trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
42	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:00, TCVN 8723:12
43	Cắt cánh trong phòng	ASTM D2579:78
44	XĐ các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD; CV)	ASTM D2850-95

45	Thí nghiệm 01 trục có nở hông	ASTM D2166-01
	THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG	
46	Vật liệu kim loai – Thử kéo – phần 1: Pp thử ở nhiêt độ phòng	TCVN 197-1:2004
47	Vật liệu kim loai – Thử uốn	TCVN 198:2008
48	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
49	Vật liệu kim loại – ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
50	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10; AASHTO T244-90
51	Kiểm tra không phá hủy – PP siêu âm	TCVN 6735:2000
52	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197:14; TCVN 198:08; TCVN 1916:1995; TCVN A370; AASHTO T68
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
53	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo PP Marshall	TCVN 8820:2011
54	Xác định độ ổn định, đô dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
55	XĐ hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
56	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
57	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trang thái rời	TCVN 8860-4:2011
58	XĐ tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
59	Xác đinh độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
60	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
61	Xác định hê số góc độ chăt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
62	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
63	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
64	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
65	Xác định độ ổn định còn lai của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
66	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; (ASTM D 5-97)
67	Phương pháp xác định đô kéo dài	TCVN 7496:05; (ASTM D113-99)
68	Phương pháp xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:05; (ASTM D 36-00)
69	Phương pháp xác định độ chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:05; (ASTM D 92-02b)
70	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; (ASTM D 6-00)
71	Phương pháp xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:05; (ASTM D2042-01)
72	Phương pháp xác định khối lương riêng (PP Pycnometer)	TCVN 7501:05; (ASTM D 70-03)
73	Phương pháp xác định độ nhớt động	TCVN 7502:05;(ASTM D 2170-01a)
74	Xác định hàm lượng paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
75	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
76	Hình dạng bên ngoài; Thành phần hạt; Lương mất khi nung	22TCN58:1984
77	Hàm lượng nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN58:1984
78	Khối lượng riêng của bột khoáng; Hệ số háo nước	22TCN58:1984
79	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN58:1984
80	Khối lượng riêng của hỗn hợp khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984
81	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
82	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
83	Độ ẩm; Khối lương TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
84	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06
85	Độ chặt đầm nén	22TCN 333:06
86	Thành phần hạt của vật liệu CPĐD	TCVN 8859:2011
87	Xác định độ bằng phẳng mặt của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
88	Phương pháp thử nghiệm xác định môdul đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
89	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011

90	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy so siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
91	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2011
92	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
93	PP xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
94	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
95	Nhà và công trình dạng tháp – XĐ độ nghiêng bằng PP trắc địa	TCVN 9400:2012
96	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPT	TCVN 9352:2012
97	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012
98	Cọc – PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
99	Thử tải kết cấu và cấu kiện công trình	BS EN 1356:97; TCVN 9344:2012
100	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
101	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
102	Đất xây dựng phương pháp phóng xạ xác định độ ẩm và độ chặt của đất tại hiện trường	TCVN 9350:2012
103	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012
104	Bê tông nặng – Phương pháp thử không phá hủy – Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
105	Bê tông – Xác định cường độ kéo nhổ	TCVN 9490:2012
106	Bê tông – Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (phương pháp kéo đứt)	TCVN 9491:2012
107	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn – PP thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
108	Hướng dẫn phương pháp đo điện thế cốt thép nằm trong bê tông nhằm kiểm tra khả năng bị ăn mòn của nó	TCVN 9348:2012
	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
109	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoài quan; Xác định: cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999 ASTM C140-12a
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
110	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6335-1:2009
111	Xác định cường độ nén	TCVN 6335-2:2009
112	Xác định cường độ uốn	TCVN 6335-3:2009
113	Xác định đô hút nước	TCVN 6335-4:2009
114	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6335-5:2009
115	Xác định độ rỗng	TCVN 6335-6:2009
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
116	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định: cường đô nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:16
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHƯNG ÁP (ACC), BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHƯNG ÁP	
117	Sai lệch kích thước, Khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Độ co khô	TCVN 7959:11; TCVN 9030:11
118	Đô vuông góc	TCVN 6415-2:2005
119	Xác đinh độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7744:2007
120	Đô hút nước	TCVN 3113:1993
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
121	Xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, lực xung kích, Lực uốn gãy, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
122	Thử cơ lý gạch lát Granito	TCVN 6074:1995
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC XÂY DỰNG	
123	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
124	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
125	Xác đinh độ pH	TCVN 6492:2011
126	Xác định hàm lượng ion clorua Cl^-	TCVN 6194:1996
127	Xác định hàm lượng ion Sunphat SO_4^{2-}	TCVN 6200:1996

128	Xác định độ váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012
129	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
	NGÓI LỢP	
130	Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2004
131	Độ hút nước	TCVN 4313:1995
132	Tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:1995
133	Khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:1995
134	Thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995
	THÍ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT	
135	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2005
136	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lương thể tích	TCVN 6415-3:2005
137	Xác định độ bền uốn và lực uốn gẫy	TCVN 6415-4:2005
138	Xác định độ bền va đập	TCVN 6415-5:2005
139	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2005
140	Xác định đồ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2005
141	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2005
142	Xác định đô bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2005
143	Xác định hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2005
144	Xác định độ bền rạn men đối với gạch ốp lát có phủ men	TCVN 6415-11:2005
145	Xác định đô bền băng giá	TCVN 6415-12:2005
146	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2005
147	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2005
148	Xác định độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men	TCVN 6415-15:2005
149	Xác đinh sự khác biệt nhỏ về màu	TCVN 6415-16:2005
150	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2005
151	Xác định độ cứng về mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2005
	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO	
152	XĐ kích thước cơ bản; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Độ sai lệch về kích thước và hình dạng sản phẩm; XĐ độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
153	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995
154	Độ bền uốn, Mpa	TCVN 6355-2:2009
155	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2005
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
156	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
157	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
158	Xác đinh khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
159	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
160	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03
161	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:03
162	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
163	Xác đinh cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:03
164	Xác đinh độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
165	Xác đinh độ chống thấm của vữa	14TCN 80:2001

Ghi chú (*): - Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.